

Bản án số: 188/2023/HS-ST

Ngày 30 - 11 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành;

Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Thu Minh;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Văn Đây;

Bà Lê Ngọc Sương;

Bà Trần Thị Thu Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phan Ngọc Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 239/2023/TLST-HS ngày 30 tháng 10 năm 2023; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 244/2023/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2023;

- Các bị cáo:

1. **Nguyễn Văn S** (tên gọi khác: Mười Đẻ), sinh năm 1963 tại Đồng Nai; Căn cước công dân số: 075063009150; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: **Tổ H, ấp T, xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai**; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 00/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Văn X** (đã chết) và bà **Trần Thị C**; có vợ tên **Nguyễn Thị Đ** và có 02 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị cáo bị giữ người trong trường hợp khẩn cấp, chuyển tạm giữ, tạm giam từ ngày 02-8-2022 đến nay tại Trại Tạm giam - **Công an tỉnh Đ**; có mặt tại phiên tòa.

2. **Nguyễn Thành Đ1**, sinh năm 1999 tại Đồng Nai; Giấy chứng minh nhân dân số: 272650692, do **Công an tỉnh Đ** cấp ngày 04-4-2016; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: **Tổ B, ấp T, xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai**; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Văn S** và bà **Nguyễn Thị Đ**; bị cáo tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Anh **Nguyễn Trung T**, sinh năm 1992, chết ngày 01-8-2022; nơi cư trú trước khi chết: **Ấp H, xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai**;

Người đại diện hợp pháp cho bị hại:

1. Chị **Nguyễn Thị Kim H**, sinh năm 1980; nơi cư trú: **Ấp P, xã Đ, huyện N, tỉnh Đồng Nai**; có mặt tại phiên tòa.

2. Chị **Nguyễn Thị Thanh T1**, sinh năm 1987; nơi cư trú: **Đường C, Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu** (chị **T1** ủy quyền cho chị **H** theo giấy ủy quyền ngày 06-01-2023); có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Chị **Nguyễn Ngọc H1**, sinh năm 1994; nơi cư trú: **Ấp T, xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai**; có mặt tại phiên tòa.

2. Bà **Nguyễn Thị H2**, sinh năm 1964; nơi cư trú: **Ấp C, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai**; có mặt tại phiên tòa.

3. Chị **Nguyễn Thị Mộng T2**, sinh năm 1996; nơi cư trú: **Khu phố H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai**;

Người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị Mộng T2 (Giấy ủy quyền ngày 06-01-2023): Chị **Nguyễn Thị Kim H**, sinh năm 1980; nơi cư trú: **Ấp P, xã Đ, huyện N, tỉnh Đồng Nai**; có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa:

1. Người bào chữa cho bị cáo **Nguyễn Văn S**:

- Bà **Nguyễn Thị Kim H3**, Luật sư thuộc **Đoàn Luật sư tỉnh Đ**; nơi làm việc: Văn phòng Luật sư **Nguyễn Thị Kim H3, Số A, đường N, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai**; có mặt tại phiên tòa.

- Ông **Đỗ Văn C1**, Luật sư thuộc **Đoàn Luật sư tỉnh Đ**; nơi làm việc: **Công ty L, Số F, đường V, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai**; có mặt tại phiên tòa.

2. Người bào chữa cho bị cáo **Nguyễn Thành Đ1**: Ông **Đỗ Văn C1**, Luật sư thuộc **Đoàn Luật sư tỉnh Đ**; nơi làm việc: **Công ty L, Số F, đường V, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai**; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Nội dung chính:

Vào khoảng 12 giờ ngày 01/8/2022, **Nguyễn Văn S** điều khiển xe mô tô biển số 60C2-824.80 đi từ **ấp T, xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai** đến nhà trọ của ông **Vũ Văn K**, địa chỉ thường trú: **ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai** tìm gặp ông **Đào Thanh T3** (là thông gia với **S**). Đến nơi nhìn thấy phòng trọ của ông **T3** đóng cửa nên **S** lấy viên gạch ống loại 04 lỗ, đập nhiều cái vào cửa phòng gây tiếng ồn. Lúc này, anh **Nguyễn Trung T** ở cùng chị **Nguyễn Thị Mộng T2** và con chị **T2** là cháu **Nguyễn Thành Đ2** (mới sinh được 10 ngày tuổi) đang nghỉ ngơi tại phòng trọ **số E**, nên anh **T** ra nói chuyện với **S** thì xảy ra mâu thuẫn và được **Vũ Tiến D**, sinh năm 1971 (con ông **K**) can ngăn, nên **S** về nhà mình. Sau khi về nhà, do vẫn còn bức tức chuyện mâu thuẫn với anh **T**, nên **S** nói với con trai mình là **Nguyễn Thành Đ1** và rủ **Đ1** đi tìm anh **T** để giải quyết mâu thuẫn thì **Đ1** đồng ý. **S** lấy 01 con dao Thái Lan, cán bằng nhựa màu đen, lưỡi dao bằng kim loại dài khoảng 25 cm mang theo, **Đ1** sử dụng xe mô tô biển số 60C2-824.80 chở **S** đi đến phòng trọ của anh **T**.

Khi đến khu phòng trọ, **Đ1** đứng chờ ở ngoài, **S** đến phòng trọ số 05 tìm anh **T** thì gặp chị **T2**; hai bên nói chuyện qua lại, **S** dùng tay tát chị **T2** 01 (một) cái. Nhìn thấy **S** đánh chị **T2**, nên **T** cầm 01 (một) cục gạch ống đánh **S** thì **Đ1** chạy đến định đánh anh **T**; anh **T** lùi lại, **S** dùng dao Thái Lan đâm **T** 01 nhát vào hông trái vùng bụng; sau đó, **Đ1** nắm tay **S** kéo ra xe và chở **S** về nhà. **S** đã vứt bỏ con dao gây án cách hiện trường vụ án khoảng 100 mét. Anh **T** được mọi người đưa đi cấp cứu nhưng đã tử vong.

2. Khám nghiệm hiện trường - Vật chứng:

- Tại Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 01/8/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra - **Công an tỉnh Đ**, xác định: Hiện trường nơi xảy ra vụ án tại Khu nhà trọ thuộc **ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai**.

- 01 đôi dép bằng nhựa, 01 viên gạch ống loại 04 lỗ bị vỡ dọc, 01 mắt kính, 01 áo thun, 02 khăn tay và 02 mẫu máu.

- Đối với 01 xe mô tô biển số 60C2-824.80 thuộc sở hữu của **Nguyễn Thị H2**, không liên quan đến hành vi phạm tội, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - **Công an tỉnh Đ** không thu giữ.

- Đối với 01 con dao Thái lan cán bằng nhựa lưỡi dao bằng sắt dài khoảng 25cm, quá trình điều tra đã truy tìm nhưng không thu giữ được.

3. Giám định:

Tại Bản Kết luận giám định pháp y về tử thi số: 1630/KL-KTHS ngày 15/8/2022 của **Phòng K1** - **Công an tỉnh Đ**, kết luận tình trạng thương tích và nguyên nhân tử vong của **Nguyễn Trung T** như sau:

- Khám trong ngực, bụng: Tụ máu dưới da, cơ hạ sườn phải 4cm x 3cm, rách màng bụng bên phải 1,5cm x 1cm; khoang lồng ngực hai bên khô; hai phổi sung huyết, xuất huyết; tim sung huyết; ổ bụng có khoảng 3000ml máu loãng; thủng gan thùy phải, mặt trước kích thước 2cm x 1cm rãnh thương trong gan 8cm xuyên ra mặt sau 1,5cm x 1cm.

- Hung khí: Vật sắc nhọn.

- Cơ chế hình thành thương tích: Nạn nhân bị tác động trực tiếp bằng vật sắc nhọn vùng hạ sườn phải xuyên vào ổ bụng, xuyên thấu gan, xuất huyết lượng nhiều tử vong.

Tại Bản Kết luận giám định số: 227KL-KTHS ngày 14/4/2023 của Phân Viện Khoa học hình sự - **Bộ C2** tại Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận:

- Không phát hiện máu người dính trên mắt kính gửi giám định.

- Trên chiếc áo tay dài màu trắng đục gửi giám định có dính máu người của một nam giới. Kiểu gen của nam giới này không trùng với kiểu gen của **Nguyễn Trung T**.

4. Dân sự:

Người đại diện hợp pháp của bị hại **Nguyễn Trung T** yêu cầu bồi thường chi phí mai táng, tổn thất tinh thần, hỗ trợ nuôi con nhỏ với số tiền 250.000.000 đồng. Các bị cáo **Nguyễn Văn S** và **Nguyễn Thành Đ1** cùng với gia đình đã bồi thường 150.000.000 đồng.

5. Cáo trạng và trình bày của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Cáo trạng số: 228/CT-VKS-P2 ngày 19 tháng 10 năm 2023 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai, đã quyết định truy tố **Nguyễn Văn S** và **Nguyễn Thành Đ1** về tội “Giết người”, theo điểm n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị:

- Tuyên bố các bị cáo phạm tội như cáo trạng đã truy tố.
- Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123, điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015; đề nghị xử phạt:
 - + Bị cáo **Nguyễn Văn S** từ 18 đến 20 năm tù;
 - + Bị cáo **Nguyễn Thành Đ1** từ 12 đến 14 năm tù.
- Về dân sự đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết bồi thường theo quy định. Đối với yêu cầu trợ cấp nuôi cháu **Nguyễn Thành Đ2**, kết quả điều tra chưa đủ căn cứ xác định cháu **Đ2** là con chung của chị **Nguyễn Thị Mộng T2** với anh **Nguyễn Trung T**; do đó, đề nghị tách yêu cầu và giành quyền khởi kiện về dân sự cho chị **T2** khi có yêu cầu.

6. Trình bày của các bị cáo và người tham gia tố tụng tại phiên tòa:

Các bị cáo và người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa vẫn giữ nguyên ý kiến và lời khai trong quá trình điều tra và truy tố; đồng thời, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã mô tả.

7. Người bào chữa cho các bị cáo trình bày tại phiên tòa:

Về tội danh: Thống nhất như quan điểm cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo.

Về hình phạt: Các bị cáo có nhân thân tốt, thành khẩn khai báo, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ và quyết định cho các bị cáo dưới khung hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tố tụng:

Trong suốt quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng hình sự; các văn bản tố tụng được tổng đạt hợp lệ và đầy đủ.

[2] Về tội danh bị truy tố:

Tại phiên tòa, các bị cáo **Nguyễn Văn S** và **Nguyễn Thành Đ1** khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã mô tả. Trình bày của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Vào trưa ngày 01/8/2023, do có mâu thuẫn trong sinh hoạt với anh **Nguyễn Trung T**, **Nguyễn Văn S** mang theo 01 con dao loại dao Thái Lan, cán bằng nhựa, lưỡi bằng kim loại, đầu nhọn dài khoảng 25 cm và rủ con trai là **Nguyễn Thành Đ1** đi tìm anh **Nguyễn Trung T**, để giải quyết mâu thuẫn. **Nguyễn Thành Đ1** điều khiển xe mô tô chở **Nguyễn Văn S** đến khu phòng trọ tại **ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai**, để tìm anh **Nguyễn Trung T**. **S** gặp chị **Nguyễn Thị Mộng T2** (chung sống cùng anh **T**) và dùng tay tát chị **T2**; anh **T** trong phòng chạy ra ngoài nói chuyện với **S**; **Đ1** thấy vậy nên xông tới định đánh anh **T** nhưng **T** lùi ra sau thì bị **S** dùng dao Thái Lan đâm 01 nhát vào vùng hạ sườn phải, làm **T** bị thương và tử vong tại **Trung tâm Y tế huyện N**.

Cáo trạng truy tố là có căn cứ, đủ cơ sở kết luận các bị cáo **Nguyễn Văn S** và **Nguyễn Thành Đ1** phạm tội “Giết người”, theo điểm n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự năm 2015; trong đó, **Nguyễn Văn S** có vai trò chủ mưu và trực tiếp thực hành; **Nguyễn Văn Đ3** có vai trò giúp sức cho **S** thực hiện hành vi phạm tội.

[3] Về trách nhiệm hình sự:

3.1. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

3.2. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo đã bồi thường thiệt hại 150.000.000 đồng. Bị cáo **Nguyễn Thành Đ1** có đơn được chính quyền địa phương xác nhận và tài liệu kèm theo, thể hiện các bị cáo đều có hoàn cảnh khó khăn; bị cáo **Đ1** là lao động duy nhất trong gia đình, phải trực tiếp nuôi dưỡng mẹ ruột bị tai biến mạch máu não. Các tình tiết này được quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

3.3. Về hình phạt và biện pháp ngăn chặn:

Hành vi của các bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, cần xử phạt các bị cáo hình phạt tù, cách ly khỏi xã hội một thời gian, tương xứng với vai trò và

hành vi phạm tội của từng bị cáo, để răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm. Hội đồng xét xử cũng xem xét đến việc cả 02 bị cáo là cha con ruột, có nhân thân tốt, hành vi phạm tội bộc phát nhất thời và hoàn cảnh gia đình nêu trên, để giảm nhẹ một phần hình phạt, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Tiếp tục tạm giam bị cáo **Nguyễn Văn S** để bảo đảm cho việc thi hành án. Đối với bị cáo **Nguyễn Thành Đ1** được tại ngoại; cho đến nay, bị cáo đều chấp hành tốt trong quá trình tiến hành tố tụng, không có căn cứ cho thấy bị cáo có thể trốn hoặc tiếp tục phạm tội; căn cứ khoản 2 Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không có cơ sở để bắt và tạm giam bị cáo sau khi tuyên án. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 113, khoản 4 Điều 123 và Điều 124 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử ban hành quyết định áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm hoãn xuất cảnh đối với bị cáo **Đ1**, để đảm bảo thi hành án.

[4] Về dân sự:

1/ Chi phí mai táng yêu cầu 106.190.000 đồng:

Căn cứ hóa đơn, chứng từ, tài liệu và bảng kê do người đại diện hợp pháp của bị hại giao nộp (bút lục số 124); áp dụng điểm b khoản 1 Điều 591 Bộ luật Dân sự và khoản 2 Điều 8 của Nghị quyết số: 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, về hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Hội đồng xét xử chấp nhận những khoản sau: Quần áo, giày, gói mền (liệm) 1.900.000 đồng; hình thờ 500.000 đồng; rửa nhà xác 500.000 đồng; **V**, bàn ghế 1.950.000 đồng; xây kim tĩnh 1.000.000 đồng; hòm 20.000.000 đồng; tiền mộ 25.000.000 đồng. Tổng cộng **50.850.000 đồng**. Các nội dung khác là chi phí không hợp lý và không phù hợp với quy định của pháp luật nêu trên, nên không được chấp nhận.

2/ Tổn thất tinh thần yêu cầu 93.810.000 đồng:

Căn cứ Nghị định số: 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ quy định về mức lương cơ sở hiện nay là 1.800.000 đồng/tháng; áp dụng khoản 2 Điều 591 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ mức bồi thường tổn thất tinh thần theo yêu cầu **93.810.000 đồng**.

3/ Tiền hỗ trợ nuôi dưỡng cháu **Nguyễn Thành Đ2** (cấp dưỡng một lần), yêu cầu số 50.000.000 đồng:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã trả hồ sơ để điều tra bổ sung, nhằm xác định mối quan hệ cha con giữa bị hại Nguyễn Trung T và cháu Nguyễn Thành Đ2. Kết quả điều tra bổ sung chưa đủ căn cứ xác định cháu Nguyễn Thành Đ2 là con chung của chị Nguyễn Thị Mộng T2 và bị hại Nguyễn Trung T; do đó, Hội đồng xét xử chưa có cơ sở để giải quyết yêu cầu này mà giành quyền khởi kiện cho chị Nguyễn Thị Mộng T2 bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

4/ Kết luận:

Yêu cầu về dân sự được chấp nhận là 50.850.000 đồng + 93.810.000 đồng = 144.660.000 đồng. Tại phiên tòa, các bị cáo đồng ý làm tròn số tiền này thành 150.000.000 đồng, được căn trừ vào số tiền các bị cáo và gia đình đã bồi thường 150.000.000 đồng; các bị cáo đã bồi thường xong.

[5] Về xử lý vật chứng:

Các vật chứng trong vụ án nêu trên đã cũ, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[6] Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Buộc các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm.
- Các bị cáo không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Về phần trình bày của Kiểm sát viên, các bị cáo, người bào chữa và người tham gia tố tụng tại phiên tòa cơ bản phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tội danh:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn S và Nguyễn Thành Đ1 phạm tội “Giết người”, theo điểm n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

2. Hình phạt:

2.1. Bị cáo Nguyễn Văn S:

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn S** 18 (mười tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 02-8-2022.

2.2. Bị cáo **Nguyễn Thành Đ1**:

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thành Đ1** 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày người bị kết án **Nguyễn Thành Đ1** vào cơ sở giam giữ chấp hành án phạt tù.

3. Biện pháp ngăn chặn:

- Căn cứ khoản 1 Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự; tiếp tục tạm giam bị cáo **Nguyễn Văn S** theo quyết định tạm giam của Hội đồng xét xử, để bảo đảm thi hành án.

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 113, khoản 4 Điều 123 và Điều 124 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Hội đồng xét xử ban hành quyết định áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm hoãn xuất cảnh đối với bị cáo **Nguyễn Thành Đ1**, để đảm bảo thi hành án.

4. Dân sự:

- Về chi phí mai táng và tổn thất tinh thần: Trong quá trình điều tra, các bị cáo đã bồi thường xong cho người đại diện hợp pháp cho bị hại.

- Về cấp dưỡng một lần nuôi dưỡng cháu **Nguyễn Thành Đ2**: Giành quyền khởi kiện cho chị **Nguyễn Thị Mộng T2** bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu

5. Vật chứng:

Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Tịch thu tiêu hủy: 01 đôi dép bằng nhựa, 01 viên gạch ống loại 04 lỗ bị vỡ dọc, 01 mắt kính, 01 áo thun, 02 khăn tay và 01 chiếc áo dài tay màu trắng đục. Các vật chứng này, đang lưu giữ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai, theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 30-8-2023, phiếu nhập: NK23/169.

6. Án phí:

Buộc các bị cáo **Nguyễn Văn S** và **Nguyễn Thành Đ1**, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

7. Quyền kháng cáo:

Các bị cáo, người đại diện hợp pháp cho bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các bị cáo (2);
- Người bào chữa (2);
- Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Trại Tạm giam - Công an tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Đồng Nai (Phòng PC02);
- Cơ quan Thi hành án hình sự - Công an tỉnh Đồng Nai;
- Phòng Hồ sơ - Công an tỉnh Đồng Nai;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ và Thi hành án (2);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự và Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Văn Thành

